

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài
sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Đôn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Blao Bkrông, bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 908/2024/HNGĐ ngày 15/10/2024 về việc “Ly hôn, con chung và chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/5/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 104/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Đường N, thôn B, xã E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- Bị đơn: Ông Vũ Minh N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Đường N, thôn B, xã E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N1 Chi nhánh T.

Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Trương Trung V.

Địa chỉ: Số H N, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Ông Đoàn Văn V1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số A N, khối I, phường T, Tp ., Đắk Lắk. Có đơn xin vắng mặt

3. Ông Trương Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn B, xã E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin vắng mặt

4. Ông Trần Bá P, sinh năm 2003. Địa chỉ: Số A Quốc lộ A, phường B, quận B, Tp .. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông N kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Xã E, TP B, Tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/09/1997. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với ông Vũ Minh N.

Về con chung: có 02 con chung là Vũ Thị Thúy An sinh ngày 02/04/1989 và Vũ Thị Hải Y sinh ngày 02/01/2000. Hiện nay Vũ Thị Thúy A bị tàn tật và đang ở với bà M nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Minh N cấp dưỡng nuôi chi A.

Về tài sản chung: Bà M và ông N có tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 207 (Cũ 227C); tờ bản đồ số: 51 (Cũ 17), diện tích: 276,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS-35752 cấp ngày 30/12/2022 tại Xã E, TP B, Tỉnh Đắk Lắk. Tài sản đang thế chấp vay tại Ngân hàng N1 Chi nhánh T. Bà M đề nghị Tòa án chia tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Bà M và ông N có các khoản nợ vay đến hiện tại là: Ngân Hàng A1 380.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, nợ Ông Trần Bá P: 76.000.000 đồng, nợ ông Trương Văn H: 18.000.000 đồng. Nợ ông Nguyễn Văn V2: 4.000.000 đồng. Bà M đề nghị Tòa án chia số nợ chung trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà bà Nguyễn Thị M đề nghị được nhận tài sản là thửa đất số: 207 (Cũ 227C); tờ bản đồ số: 51 (Cũ 17), diện tích: 276,2m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS-35752 cấp ngày 30/12/2022 tại Xã E, TP B, Tỉnh Đắk Lắk và bà M có trách nhiệm trả hết toàn bộ khoản nợ của ngân hàng và các khoản nợ khác. Đồng thời sẽ trả cho ông N số tiền còn lại sau khi hoàn thành việc trả nợ.

** Bị đơn ông Vũ Minh N không hợp tác lên toà án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai được. Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng theo quy định.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng N1 Chi nhánh T, người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Ngày 09/01/2023, Bên vay vốn là Bà Nguyễn Thị M và Ông Vũ Minh N đã ký kết Hợp đồng tín dụng vay vốn tại A1 Chi nhánh T theo Hợp đồng tín dụng số 5220LAV202300015 số tiền : 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng) và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 5220LAV202300015/PLHĐTD ngày 21/11/2023 số tiền: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng); Lãi suất tiền vay trong hạn là 10%/năm và 11%/năm; Lãi suất phạt nợ quá hạn bằng 150% so với lãi suất tiền vay trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Thời hạn trả theo từng lần nhận nợ.

Hiện nay tính đến ngày 27/6/2025, bà M và ông N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 417.780.670đ theo, trong đó có 380.000.000đ nợ gốc, lãi trong hạn: 34.800.000đ, lãi quá hạn: 1.949.318đ, lãi phạt: 1.031.351đ;

Ngân hàng khởi kiện độc lập yêu cầu toà án giải quyết buộc bên vay là bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N phải trả cho A1 Chi nhánh T với tổng số tiền 417.780.670đ theo, trong đó có 380.000.000đ nợ gốc, lãi trong hạn: 34.800.000đ, lãi quá hạn: 1.949.318đ, lãi phạt: 1.031.351đ; và nợ lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 22/04/2025 cho đến khi trả hết nợ vay.

Trường hợp bên vay là bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N không trả được nợ vay cho ngân hàng như đã nêu trên, A1 Chi nhánh T yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật của bên bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5220199071182/HĐTC ngày 05/01/2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 5220199071182/HĐSD ngày 21/11/2023.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số DH 222684 do UBND Thành phố B cấp 30/12/2022 cho Bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N. Chi tiết Thửa đất số: 207 (cũ 227C); Tờ bản đồ số: 51 (cũ 17); Diện tích: 276,2 m²; Địa chỉ thửa đất: Xã E, Tp ., Tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bà M và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền căn cứ Hợp đồng thế chấp đã ký kết để yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá P trình bày:* Vào năm 2023, Vợ chồng ông Vũ Minh N và bà Nguyễn Thị M cần tiền xây nhà nên có vay của ông P số tiền 76.000.000VNĐ bằng chữ, ông P đã chuyển khoản cho vay. Ngày 06/12/2024 ông P đã được Tòa Án mời lên làm việc và xác nhận khoản cho vay. Ông P có đơn khởi kiện độc lập đề nghị Toà án giải quyết buộc ông N, bà M trả cho ông P số tiền 76.000.000 đồng. Ông P không yêu cầu tính lãi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn V1 trình bày:* Ông V1 có cho bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Minh N vay số tiền 4.000.000 đồng, hiện nay ông V1 không có yêu cầu giải quyết số nợ trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn H trình bày:* Ông H có bán vật liệu xây dựng cho bà Nguyễn Thị M, ông Vũ Minh N, hiện nay số tiền bà M và ông N còn thiếu là 18.119.000 đồng. Ông H không có yêu cầu giải quyết số tiền trên.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá tài sản và không có ý kiến gì.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, cho bà M được ly hôn đối với ông Vũ Minh N;

Về con chung: Bà M cung cấp tài liệu thể hiện chị Vũ Thị Thúy A bị tàn tật và đang ở với bà M nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Minh N cấp dưỡng đối với chị A. Tuy nhiên các tài liệu chỉ thể hiện chị A bị bệnh hạn chế vận động không thuộc trường hợp mất khả năng lao động nên không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà M.

Về tài sản chung: Xác định bà M và ông N có công sức đóng góp như nhau trong việc hình thành và phát triển tài sản chung, nên mỗi người được chia 1/2 trị giá tài sản, tại phiên tòa nguyên đơn có nguyện vọng được tài sản là quyền sử dụng là phù hợp nên đề nghị giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền sử hữu quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 207 (cũ 227C); Tờ bản đồ số: 51 (cũ 17); Diện tích: 276,2 m². Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Minh N giá trị tương đương ½ tài sản là 633.947.078 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N1 Chi nhánh T, buộc bà M và ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2025 là: 417.780.670đ, Trong đó nợ gốc là 380.000.000đ và lãi trong hạn: 34.800.000đ, lãi quá hạn: 1.949.318đ, lãi phạt: 1.031.351đ. Trường hợp bà M và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền căn cứ Hợp đồng thế chấp đã ký kết để yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần bá P, buộc bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N, mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Bá P số tiền 76.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ 4.000.000 đồng của ông Đoàn Văn V1 và khoản nợ 18.119.000 đồng của ông Trương Văn H. Do ông V1 và ông H không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận và buộc bà M và ông N trả nợ cho ông V1 và ông H khi các đương sự có yêu cầu.

Các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “Ly hôn, con chung, chia tài sản khi ly hôn”, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Minh N vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của các đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo biên bản xác minh thể hiện bà M và ông N có trú tại Đường N, thôn B, xã E, Tp ., do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ông N và bà M đã ly thân. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông N đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà M và ông N có 02 con chung là chị Vũ Thị Thúy An S ngày 02/04/1989 và chị Vũ Thị Hải Y sinh ngày 02/01/2000, các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện chị Vũ Thị Thúy A là người tàn tật và yêu cầu ông Vũ Minh N cấp dưỡng nuôi con đối với chị A. Tuy nhiên theo tài liệu chứng cứ bà M Cung cấp thể hiện chị Vũ Thị Thúy A bị hạn chế khả năng vận động. Không thuộc trường hợp mất khả năng lao động nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M.

[3.3] Về Tài sản chung: Xác định tài sản chung của bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N gồm có: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số DH 222684 do UBND Thành phố B cấp 30/12/2022 cho Bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N. Chi tiết Thửa đất số: 207 (cũ 227C); Tờ bản đồ số: 51 (cũ 17); Diện tích: 276,2 m²; Địa chỉ thửa đất: Xã E, Tp ., Tỉnh Đắk Lắk. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tài sản chung do bà M và ông N nên mỗi người được quyền sở hữu ½ giá trị thửa đất.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện: Trị giá quyền sử dụng đất: 1.000.000.000 đồng; Vật kiến trúc trên đất là: 265.101.157 đồng. Cây trồng trên đất là: 2.793.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 1.267.894.157 đồng. Do đó, bà M và ông N được chia giá trị tài sản là: 633.947.078 đồng.

Xét thấy hiện nay bà M và các con đang sinh sống tại thửa đất trên và tại phiên toà bà M đề nghị được nhận tài sản và bà M nhận trách nhiệm trả các khoản nợ chung của vợ chồng, xét ý kiến của bà M là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất của thửa đất số: 207 (cũ 227C); Tờ bản đồ số: 51 (cũ 17); Diện tích: 276,2 m². Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả các khoản nợ chung như sau: Khoản vay Ngân hàng N1 Chi nhánh T tạm tính đến ngày 27/6/2025 là số tiền 417.780.670 Trong đó nợ gốc là 380.000.000đ và lãi trong hạn: 34.800.000đ, lãi quá hạn: 1.949.318đ, lãi phạt: 1.031.351đ. Khoản vay ông Trần Bá P số tiền 76.000.000 đồng. Khoản vay ông Đoàn Văn V1 số tiền 4.000.000 đồng. Khoản nợ vật liệu xây dựng của ông Trương Văn H số tiền 18.119.000 đồng.

Bà M có nghĩa vụ thanh toán lại ông Vũ Minh N số tiền sau khi đã khấu trừ các khoản nợ chung là: 387.056.743. đồng.

[3.4] Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng N1 Chi nhánh T. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ xác định khoản nợ 417.780.670 đồng (Trong đó nợ gốc là 380.000.000đ và lãi trong hạn: 34.800.000đ, lãi quá hạn: 1.949.318đ, lãi phạt:

1.031.351đ) là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, số tiền vay sau khi được giải ngân đã sử dụng vào việc xây nhà và chi tiêu phục vụ đời sống thiết yếu trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Bà M và ông N có nghĩa vụ liên đới và có trách nhiệm ngang bằng nhau trong việc trả khoản nợ này cho Ngân hàng. Yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Buộc bà M và ông N, mỗi người có nghĩa vụ phải trả $1/2$ khoản nợ chung này cho Ngân hàng, tương ứng số tiền $417.780.670\text{đ}/2 = 208.890.335$ đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/06/2025. Trường hợp bà M và ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên toà Bà M đề nghị được nhận tài sản và tự nguyện thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng đồng ý. Ý kiến của các đương sự là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3.5] Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trần Bá P. Xét thấy đây là khoản nợ chung nên cần buộc bà M và ông N, mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ trả nợ, cụ thể bà M có trách nhiệm trả cho ông P 38.000.000 đồng, ông N có trách nhiệm trả cho ông P 38.000.000 đồng.

Tại phiên toà Bà M đề nghị được nhận tài sản và tự nguyện thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ông P và ông P đồng ý. Ý kiến của các đương sự là phù hợp nên cần chấp nhận.

[3.6]. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N còn nợ của ông Đoàn Văn V1 số tiền 4.000.000 đồng, nợ ông Trương Văn H số tiền 18.119.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N có trách nhiệm trả số nợ trên cho ông V1 và ông H khi các đương sự có yêu cầu. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị M nhận trách nhiệm trả các khoản nợ trên cho ông V1 và ông H.

[4] Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất là 6.000.000 đồng (đã được bà Nguyễn Thị M nộp), bà M và ông N mỗi người phải chịu $1/2$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên ông N có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh S1 tiền: 3.000.000 đồng.

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu giải quyết ly hôn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Vũ Minh N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung tính trên trị giá tài sản được chia (633.947.078 đồng), cụ thể: $[20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (633.947.078 - 400.000.000 \text{ đồng})] = 29.357.000$ đồng (làm tròn số).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Vũ Minh N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án chấp nhận (38.000.000 đồng trả nợ ông P + 208.890.335

đồng gốc và lãi trả nợ Ngân hàng = đồng), cụ thể: $[493.780.670 + 4\% \times (417.780.670 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 12.344.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số)

Tổng cộng, bà Nguyễn Thị M phải chịu 41.701.000 đồng và ông Vũ Minh N phải chịu 41.701.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện độc lập được chấp nhận nên Ngân hàng N1 Chi nhánh T và ông Trần Bá P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 14, 16 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn đối với ông Vũ Minh N.

2. Về con chung: có 02 con chung là cháu: Vũ Thị Thúy An sinh ngày 02/04/1989 và cháu Vũ Thị Hải Y sinh ngày 02/01/2000, do các cháu đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Giao cho bà Nguyễn Thị M được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 207 (cũ 227C); Tờ bản đồ số: 51 (cũ 17); Diện tích: 276,2 m²; Địa chỉ thửa đất: Xã E, Tp ., Tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận số DH 222684 do UBND Thành phố B cấp 30/12/2022 mang tên Bà Nguyễn Thị M. Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà chính xây cấp 4, diện tích (5 x 12,5), móng xây đá hộc, tường xây gạch, trần tấm thạch cao, mái lợp tôn, nền lát gạch Cêramit 300x600, Nhà bếp: móng xây đá hộc, tường xây gạch, mái lợp tôn thiết, không đóng trần, nền lát gạch Cêramit 300x500, diện tích 5m x 4,1m; nhà tạm diện tích 2mx3,8m, hệ thống tường rào móng xây đá hộc, tường xây gạch thẻ kết hợp gạch ống, có bờ trụ cao bình quân 1,6m, không tô trát. Tổng chiều dài 34,5m dài, 02 cánh cổng sắt cáo 1,6m, rộng 2,5m. Cây trồng trên đất 19 cây hoa giấy. Trị giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: 1.267.894.157 đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng N1 Chi nhánh T.

Giao cho bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 27/6/2025 là: 417.780.670 Trong đó nợ gốc là 380.000.000đ và lãi trong hạn: 34.800.000đ, lãi quá hạn: 1.949.318đ, lãi phạt: 1.031.351đ.

Kể từ ngày 28/06/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bà Nguyễn Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và được xóa thế chấp, bà Nguyễn Thị M có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký biến động đối với quyền sử dụng đất được phân chia theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà Nguyễn Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N1 Chi nhánh T có quyền căn cứ vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 5220199071182/HĐTC ngày 05/01/2023 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số: 5220199071182/HĐSD ngày 21/11/2023 yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trần bá P.

Giao cho bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho ông Trần bá P số tiền 76.000.000 đồng.

Kể từ ngày 02/02/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, bên phải thi hành án còn phải liên đới (theo phần bằng nhau) chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị M và ông Vũ Minh N còn nợ của ông Đoàn Văn V1 số tiền 4.000.000 đồng, nợ ông Trương Văn H số tiền 18.119.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả số nợ trên cho ông V1 và ông H khi các đương sự có yêu cầu.

7. Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Minh N trị giá phần tài sản tương ứng (sau khi khấu trừ các khoản nợ) là: 387.056.743. đồng.

8. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất là 6.000.000 đồng (đã được bà Nguyễn Thị M nộp), bà M và ông N mỗi người phải chịu 1/2 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên ông N có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh S1 tiền: 3.000.000 đồng.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu giải quyết ly hôn.

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 41.701.000 đồng. Khấu trừ án phí đã nộp là 2.174.000 đồng theo biên lai 0012707 ngày 11/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột. Bà Nguyễn Thị M còn phải nộp

án phí là 39.527.000 đồng.

- Ông Vũ Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 41.701.000 đồng đồng.

Hoàn trả cho ngân hàng N1 Chi nhánh T số tiền tạm ứng án phí là 10.181.744 đồng theo biên lai số 0001391 ngày 96/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Hoàn trả cho ông Trần Bá P số tiền tạm ứng án phí là 1.900.000 đồng theo biên lai số 0001392 ngày 96/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

10. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp BMT;
- UBND xã Ea Tu, Tp BMT;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh Đắk Lắk (PV06)
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Trần Đ

